

Số: /GPMT-UBND

Thủ Thừa, ngày tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 25/05/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 25/05/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 6404/QĐ-UBND ngày 14/07/2022 của UBND tỉnh về việc Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 25/05/2021 của UBND tỉnh); Quyết định số 7709/QĐ-UBND ngày 31/07/2024 của UBND tỉnh Long An về việc Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 25/05/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 6404/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND tỉnh);

Căn cứ Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của UBND huyện về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh Trần Thị Thảo ngày 11/04/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 657/TTr-NNMT ngày 18/4/2025 về việc cấp giấy phép môi trường đối với dự án “Cơ sở chế biến thực phẩm truyền thống (các loại dưa chua, mủ trôm), nấu rượu truyền thống” của Hộ kinh doanh Trần Thị Thảo” tại thửa đất số 770, tờ bản đồ số 16, ấp 1, xã Tân Long, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ kinh doanh Trần Thị Thảo địa chỉ trụ sở chính tại thửa

đất số 770, tờ bản đồ số 16 ấp 1, xã Tân Long, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Cơ sở chế biến thực phẩm truyền thống (các loại dưa chua, mủ trôm), nấu rượu truyền thống, diện tích khoảng 3.600 m² tại xã Long Thành (nay là ấp 1, xã Tân Long), huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Cơ sở chế biến thực phẩm truyền thống (các loại dưa chua, mủ trôm), nấu rượu truyền thống.

1.2. Địa điểm hoạt động: thửa đất số 770, tờ bản đồ số 16, ấp 1, xã Tân Long, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mã số hộ kinh doanh: 8775424983-001, mã số đăng ký hộ kinh doanh: 50J8006776 đăng ký lần đầu ngày 25/05/2021 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Thủ Thừa cấp.

1.4. Mã số thuế: 8775424983-001.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: chế biến thực phẩm truyền thống; nấu rượu truyền thống.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.6.1. Phạm vi: Dự án được thực hiện tại thửa đất số 770, tờ bản đồ số 16, ấp 1, xã Tân Long, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, tổng diện tích đất sử dụng 3.600 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 428399 số vào sổ cấp GCN số: CS 00328 ngày 10/06/2021 của bà Trần Thị Thảo).

1.6.2. Quy mô của dự án đầu tư:

Dự án đầu tư phân loại tiêu chí nhóm C theo quy định của pháp luật về Đầu tư công; Thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 điều 28 Luật Bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Do đó, căn cứ Điều 39 và khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường, thẩm quyền cấp phép là Ủy ban nhân dân huyện.

1.6.3. Công suất và quy trình công nghệ sản xuất các dây chuyền sản xuất:

- Công suất: 1.560 tấn sản phẩm/năm

+ Chế biến dưa chua: 780 tấn sản phẩm/năm;

+ Chế biến mủ trôm: 780 tấn sản phẩm/năm;

+ Các loại rượu truyền thống: 10.000 lít/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình chế biến dưa chua: Nguyên liệu đầu vào (Cải bẹ xanh) → Lựa chọn,

phân loại → Rửa sạch → Chần sơ qua với nước nóng → Trộn hỗn hợp với tỉ lệ đường 1,3%, muối 3,5%, tỷ lệ cái và dung dịch muối chua 40:60 → Lên men trong 96h ở nhiệt độ 25°C → Sản phẩm.

+ Quy trình chế biến mủ trôm: Nguyên liệu tươi → Làm sạch mủ trôm → Loại bỏ phần mủ dư → Sấy khô mủ trôm → Kiểm tra chất lượng (độ ẩm, hình thức) → Đóng gói bao bì bảo quản → Bảo quản sản phẩm → Phân phối và tiêu thụ.

+ Quy trình nấu rượu truyền thống: Nguyên liệu (gạo và nếp) → Xử lý nguyên liệu → Nấu chín/hồ hóa → Làm nguội → Trộn men → Lên men → Chưng cất → Rượu thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ kinh doanh Trần Thị Thảo được cấp giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh Trần Thị Thảo có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại

Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày... tháng 4 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư Cơ sở chế biến thực phẩm truyền thống (các loại dưa chua, mủ trôm), nấu rượu truyền thống, diện tích khoảng 3.600 m² tại xã Long Thành (nay là ấp 1, xã Tân Long), huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An của Hộ kinh doanh Trần Thị Thảo được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở NN và MT tỉnh;
- UBND huyện (CT, các PCT);
- Phòng NN và MT;
- UBND xã Tân Long;
- Hộ kinh doanh Trần Thị Thảo;
- LĐVP; NCTH;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NNMT (A).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 04 năm 2025 của UBND huyện Thủ Thừa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân viên làm việc tại dự án, lưu lượng khoảng 0,64 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình làm sạch nguyên liệu, rửa thiết bị, máy móc với lưu lượng khoảng 13 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh 10.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Kênh 10 (ấp 1, xã Tân Long, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An).

Nước thải sau xử lý theo đường mương kín bằng BTCT có kích thước RxC = 500mm x 400mm, chiều dài khoảng 60m dẫn nước thải ra hố ga cuối (hố ga giám sát nước thải), sau đó nối bằng đường ống PVC ø90mm dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận là kênh 10.

Vị trí xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 của Luật bảo vệ môi trường.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

+ Vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận (kênh 10) có tọa độ: X= 1.185.673; Y= 558.667.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m³/ngày.đêm (24 giờ) (tương đương 0,83 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý bơm ra hố ga cuối (hố ga giám sát nước thải), sau đó tự chảy vào kênh 10.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số K_q=0,9 và K_f=1,2), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	--		
2	pH	-	6 đến 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, theo khoản 6 Điều 111 Luật bảo vệ môi trường, khuyến khích Công ty thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải của mình với tần suất 06 tháng/lần.	Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định khoản 2 tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	32,4		
4	COD	mg/l	81		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54		
6	Tổng Nito	mg/l	21,6		
7	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,32		
8	Amoni	mg/l	5,4		
9	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án đầu tư phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom bằng các máng xối, theo đường ống đứng bằng nhựa PVC $\phi 120\text{mm}$ đặt sát vách tường, dẫn thẳng xuống các hố ga thu nước mưa dưới mặt đất. Các hố này được nối với nhau bằng mương có kích thước $600\text{mm} \times 500\text{mm}$ dưới mặt đất, hòa chung với dòng nước mưa được thu gom dưới đất.

Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên dự án được thu vào các hố ga có kích thước $D \times R \times C = 800 \times 800 \times 1000\text{mm}$ (hố ga BTCT, có nắp BTCT đục lỗ), tại miệng các hố ga có lắp đặt lưới chắn rác.

Các hố ga nước mưa được nối với nhau bằng các cống BTCT $\phi 300\text{mm}$ và độ dốc $i=0,2\%$; Nước mưa được chảy theo phương thức tự chảy và thoát ra kênh 10 giáp dự án; Vị trí đầu nối nước mưa có tọa độ: $X=1.185.684$; $Y=558.660$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^\circ 45'$, múi chiếu 3°).

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh cùng với nước rửa tay của công nhân viên sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (số lượng: 02 bể; tổng thể tích 45 m³) được thu gom bằng đường ống PVC Ø90mm dẫn về bể thu gom nước thải sinh hoạt của hệ thống xử lý nước thải tại dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình làm sạch nguyên liệu, rửa thiết bị, máy móc được thu gom bằng ống PVC Ø114mm dẫn về bể thu gom nước thải sản xuất của hệ thống xử lý nước thải tại dự án.

Nước thải sau xử lý theo đường mương kín bằng BTCT có kích thước RxC = 500mm x 400mm, chiều dài khoảng 60m dẫn nước thải ra hố ga cuối (hố ga giám sát nước thải), sau đó nối bằng đường ống PVC Ø90mm dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận là kênh 10; khoảng cách từ hố ga cuối (hố ga giám sát nước thải) đến nguồn tiếp nhận khoảng 20m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- 02 bể tự hoại 3 ngăn tại nhà vệ sinh nhà xưởng, mỗi bể tự hoại có thể tích 22,5m³.

- 01 hệ thống xử lý nước thải (sinh hoạt, sản xuất) có công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm.

Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải phát sinh → Mương dẫn → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng (hố ga giám sát nước thải) → nguồn tiếp nhận (kênh 10).

Công suất thiết kế: 20 m³/ngày.đêm.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer Anion, Clorine (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ hút bùn từ bể tự hoại, định kỳ chuyển giao bùn thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; Bố trí nhân viên kỹ thuật có chuyên môn phù hợp để vận hành hệ thống xử lý nước thải và tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải trong các bể xử lý để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Tuyệt đối không thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt giới hạn cho phép ra môi trường. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng nước thải đầu ra (nước thải sau xử lý) mới tiến hành sản xuất bình thường.

- Đối với sự cố về điện hoặc thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải bị hư: Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định; Bố trí dự phòng các thiết bị để kịp thời thay thế khi các thiết bị hỏng hóc, hư hỏng.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả quá trình hoạt động của hệ thống xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế: 20 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại vị trí trước xử lý (tại bể thu gom).
- Tại vị trí sau xử lý (hố ga giám sát nước thải nằm ngoài tường rào trước khi xả thải ra kênh 10).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.6. Chủ dự án đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Thủ Thừa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý khi đi vào vận hành chính thức).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

- Bố trí quạt công nghiệp tạo thông thoáng nhà xưởng.
- Tuân thủ các yêu cầu về kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo được hoạt động tối ưu.
- Kho bãi, xưởng sản xuất đã được làm nền bê tông và thường xuyên được vệ sinh, tránh phát sinh bụi trong quá trình hoạt động sản xuất và phát tán bụi ra ngoài môi trường.
- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh mặt bằng sau mỗi ngày làm việc, đặc biệt vào thời điểm các xe chở nguyên liệu hoạt động, không để bụi tích lũy trên mặt bằng phát tán theo gió ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Chất thải rắn sinh hoạt được quy định bỏ vào các thùng chứa có nắp kín để tránh thu hút côn trùng và phát tán mùi hôi ra xung quanh. Các thùng chứa được đặt tại các nơi chủ yếu phát sinh rác sinh hoạt, định kì được đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý.
- Thu gom và xử lý bùn đúng định kỳ, thiết bị ép bùn phù hợp, không để bùn tồn đọng lâu ngày dẫn đến quá trình kị khí.
- Thường xuyên kiểm tra và vận hành HTXL nước thải đúng quy trình kỹ thuật để hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định và không phát sinh mùi hôi.
- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2025 của UBND huyện Thủ Thừa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại máy làm sạch nguyên liệu.
- Nguồn số 02: Tại khu vực Hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X= 1.185.704,8; Y= 558.708,3.
- Nguồn số 02: Tọa độ X= 1.185.739,8; Y= 558.676,8.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi 3°).

3. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Tất cả các điểm ngoài sát hàng rào nhà máy (khu vực thông thường)

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

2.2. Độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Tất cả các điểm ngoài sát hàng rào nhà máy (khu vực thông thường)

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lát đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

- Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Thủ Thừa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng đăng ký trong GPMT (kg)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	12	NH
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	600	KS
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	550	NH
4	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	50	NH
5	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	02 05 01	100	-
Tổng số lượng chất thải phải kiểm soát			1.312	

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Phụ phẩm, cặn bẹ không đạt yêu cầu	14 04 03	Rắn	2.000
2	Bùn cặn từ hoạt động sơ chế, làm sạch và xử lý nước thải	14 04 01	Bùn	936
3	Thùng carton, tem nhãn	18 01 05	Rắn	814

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
4	Bao bì nhựa thải	18 01 06	Rắn	936
TỔNG CỘNG				4.686

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 6,4 kg/ngày từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên tại Công ty chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa với dung tích phù hợp và các bao pp chống thấm, trên mỗi thùng chứa có dán nhãn phân loại chất thải nguy hại, mã số chất thải nguy hại theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích: Diện tích 06 m² (kích thước LxB = 3mx2m).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: khu vực lưu chứa riêng biệt, có mái che, nền chống thấm, biển báo, gờ bao xung quanh, đảm bảo đúng kỹ thuật theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa với dung tích phù hợp các bao pp chống thấm tại khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích: 15m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: khu vực lưu chứa riêng biệt, có mái che, nền chống thấm, biển báo, đảm bảo đúng kỹ thuật theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng rác loại 10 lít, 120 lít có nắp đậy tại khu vực xung quanh nhà xưởng.

2.3.2. Khu vực tập kết: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 12 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125, 126 Luật bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất; Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, chủ dự án cần báo ngay cho đơn vị cung cấp và tập trung mọi nguồn lực tiến hành khắc phục sự cố, hoặc liên hệ với cơ quan chức năng về môi trường và các sự cố để có biện pháp xử lý kịp thời; Trong trường hợp sự cố hệ thống xử lý nước thải kéo dài sẽ ngưng hoạt động đến khi khắc phục xong mới cho hoạt động trở lại.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Thủ Thừa)

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả hoạt động.
4. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc.
7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
8. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về UBND huyện Thủ Thừa **trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về UBND huyện Thủ Thừa trong **thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải.
9. **Chậm nhất là 10 ngày** sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.
10. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

11. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu trữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

12. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12, gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

13. Chủ dự án phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng theo đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ./.